

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
ĐOÀN GIÁM SÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 380/ĐGS-KHCNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

V/v báo cáo việc thực hiện chính sách,
pháp luật về phát triển năng lượng
giai đoạn 2016 - 2021

Đ	UBND TỈNH TRÀ VINH
É	Số 216 ^e ngày 05/12/2022
N	Chuyển: CN, TH, ĐANG, ĐM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 582/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021” và Kế hoạch chi tiết số 355/KH-ĐGS ngày 28/10/2022 của Đoàn giám sát, thực hiện chỉ đạo của Đồng chí Trưởng đoàn giám sát, Đoàn giám sát trân trọng đề nghị quý Cơ quan chuẩn bị báo cáo theo yêu cầu của Đoàn giám sát (theo Đề cương gửi kèm).

Báo cáo của Quý Cơ quan xin gửi đến Đoàn giám sát trước ngày 28/02/2023 (qua Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, số 22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội; kèm theo file điện tử gửi vào email: anhnc@quochoi.vn)¹, đồng thời gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương để thực hiện giám sát.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của quý Cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Đức Hải, PCTQH, TĐGS (để b/c);
- Các Vụ: KHCNMT, GS;
- Lưu: HC, KHCNMT, GS;
- Epas: 104611

KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN THƯỜNG TRỰC



ỦY VIÊN ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Lê Quang Huy

¹ Chi tiết liên hệ: Đ/c Nguyễn Cẩm Anh, Chuyên viên Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
- Văn phòng Quốc hội, ĐT: 0986.288883.

ĐIỂM ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ	CHỖ ĐÓNG CHỮ
CHỖ ĐÓNG CHỮ	CHỖ ĐÓNG CHỮ
CHỖ ĐÓNG CHỮ	CHỖ ĐÓNG CHỮ



**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ GIÁM SÁT
VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2021
(Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)**

Kèm theo công văn số 380/ĐGS-KHCNMT ngày 28/11/2022

Thực hiện Nghị quyết số 582/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021”, Đoàn giám sát đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong hệ thống chính trị ở địa phương xây dựng báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn tỉnh, thành phố, trong đó cần tập trung xem xét, đánh giá một số nội dung chủ yếu sau đây:

PHẦN I

**TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**

I. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển năng lượng của địa phương

- Báo cáo đầy đủ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển năng lượng của địa phương.

- Nêu rõ số lượng, danh mục các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật ban hành đến thời điểm báo cáo so với nhiệm vụ, số lượng cần thiết ban hành.

II. Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển năng lượng của địa phương

1. Đánh giá chung

- Tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật.

- Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu).

- Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung có kịp thời hay không).

- Tính khả thi triển khai thực hiện.

(Các nội dung đánh giá thông qua việc thực hiện: Luật Điện lực, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Quy hoạch và các luật khác, các pháp lệnh, nghị quyết có liên quan đến phát triển năng lượng; các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thi hành).

2. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá tồn tại, hạn chế trong việc ban hành văn bản và hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật về phát triển năng lượng.

Xác định rõ những nội dung giao quy định chi tiết trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết; những văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật, các văn bản có vướng mắc khi thực hiện hiện nay,...

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

4. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan

PHẦN II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

Báo cáo toàn diện, khách quan, trung thực việc địa phương triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng; trong đó nêu rõ các kết quả thực hiện, mức độ đạt được theo các mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ đề ra với đầy đủ thông tin, số liệu. Lưu ý tách thành hai phần:

- Phần thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của địa phương.
- Phần thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Trung ương nhưng quản lý tổ chức thực hiện trên địa bàn địa phương.

Các lĩnh vực và nội dung trọng tâm báo cáo gồm:

I. Kết quả đạt được

1. Về tình hình đầu tư phát triển, cung cầu và an ninh năng lượng

1.1. Về khả năng cung cấp năng lượng và việc nhập khẩu năng lượng

- Đánh giá trữ lượng năng lượng hiện nay của địa phương (bao gồm than, dầu, khí, thủy điện và các dạng năng lượng tái tạo) để phục vụ cho việc huy động lập các dự án đầu tư phát triển trong quy hoạch.

- Đánh giá về khả năng cung cấp năng lượng (than, điện, dầu khí, năng lượng tái tạo) đáp ứng nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân giai đoạn 2016 – 2021 và giai đoạn 2021 – 2025.

- Đánh giá trữ lượng của các dạng năng lượng tái tạo có trong quy hoạch điện và hiện đang vận hành nhưng không có trong quy hoạch.

- Về sản lượng năng lượng sản xuất và nhập khẩu.

- Về việc phát triển nguồn năng lượng tự cung, tự cấp đáp ứng yêu cầu về kinh tế bền vững.

- Cơ chế, chính sách, điều phối hoạt động giữa các lĩnh vực, phân ngành bảo đảm an ninh năng lượng.

- Về năng lượng tái tạo và chuyển dịch năng lượng: Về kết quả phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện: điện mặt trời, điện gió, địa nhiệt, điện sóng, sinh khối, điện rác (cơ sở đề xuất giá điện năng lượng tái tạo). Chuyển dịch năng lượng trong từng phân ngành. Khó khăn, thách thức trong phát triển năng lượng tái tạo (nhất là mức độ ổn định, giá thành, nguồn lực tài chính, đồng bộ truyền tải, công nghệ, thiết bị, sử dụng đất đai, mặt nước, bảo vệ môi trường). Cải tiến, nâng cấp hệ thống quan trắc dự báo thời tiết biến đổi khí hậu chính xác để phục vụ trong điều độ vận hành và dự báo sản lượng điện năng lượng tái tạo.

- Về năng lượng nguyên tử: có định hướng phát triển trong tương lai không. Việc khai thác khoáng sản phóng xạ (urani và torin) tại địa phương.

1.2. Về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả

- Đánh giá cả phía cung (hiệu suất các cơ sở sản xuất năng lượng, nhất là nhà máy nhiệt điện than) và phía cầu theo ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Ví dụ như dựa vào mức phát thải carbon của nhà máy hay mức độ tiêu thụ điện năng (tỷ lệ năng lượng sạch /năng lượng truyền thống).

- Về cường độ năng lượng hiện nay của Việt Nam, so sánh với thế giới.

- Về hệ số đàn hồi điện – tỷ lệ tốc độ tăng trưởng điện so với tốc độ tăng GDP đến năm 2021 và dự kiến đến năm 2030, đến năm 2050.

- Về tổn thất điện năng trong quá trình truyền tải điện hiện nay.

- Về các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về tiêu hao năng lượng trong các tòa nhà; quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong phát triển vật liệu xanh, công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Về việc bảo đảm yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường đối với các nhà máy sử dụng năng lượng trọng điểm như sắt, thép, xi măng, thực phẩm, đối với lĩnh vực giao thông, vận tải.

- Về việc xây dựng chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng của từng tỉnh, thành phố và việc đưa chỉ tiêu này vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương.

- Về việc tuyên truyền, vận động, định hướng doanh nghiệp chuyển đổi thiết bị, công nghệ từ sử dụng năng lượng than sang sử dụng năng lượng sạch.

- Về việc chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018 - 2020, có xét đến năm 2030 và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 trên địa bàn tỉnh, thành phố.

1.3. Về xử lý các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc

Tình hình cụ thể và giải pháp xử lý đối với các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc.

2. Về nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh

Đánh giá cụ thể đối với nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh: chất lượng quy hoạch (có sát nhu cầu thực tiễn, yêu cầu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội...); tiến độ xây dựng, nội dung và phương hướng phát triển năng lượng trong giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050; việc điều chỉnh quy hoạch gắn với quản lý, đầu tư các dự án, tránh chồng lấn với các quy hoạch phát triển phân ngành năng lượng; việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đất rừng đối với các dự án; việc quy hoạch không gian biển, thềm lục địa và các khu vực hải đảo đối với phát triển các dự án năng lượng ngoài khơi¹; việc tuân thủ quy hoạch; phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng năng lượng hiện nay có đảm bảo an ninh năng lượng không; về một số dự án năng lượng trọng điểm² trên địa bàn tỉnh; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án năng lượng;...

2.1. Nội dung phát triển điện

Tình hình thực hiện các dự án phát triển nguồn điện, lưới điện theo quy hoạch và quy hoạch điều chỉnh đã phê duyệt; hiệu quả của các dự án đầu tư. Về phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

2.2. Nội dung phát triển than

- Đánh giá tình hình thực hiện phát triển ngành than đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (công tác điều tra, thăm dò, phát triển và khai thác, chế biến, cơ sở hạ tầng, an toàn và bảo vệ môi trường, thị trường trong nước và xuất nhập khẩu, cơ chế chính sách). Đánh giá tình hình cung – cầu than đối với điều kiện thực tế (gồm thăm dò, khai thác). Tình hình cấp phép thăm dò khai thác.

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò, hiện trạng khai thác, sử dụng các loại than.

- Đánh giá tác động của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản than đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan và dịch vụ hệ sinh thái.

- Đánh giá về khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các than trong thời kỳ quy hoạch.

¹ Đánh giá việc quy hoạch không gian biển đối với các dự án về năng lượng ngoài khơi như: Điện gió ngoài khơi, điện thủy triều, thăm dò và khai thác dầu, khí.

² Đánh giá các dự án của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các dự án do tư nhân thực hiện: đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các dự án đã vận hành và đánh giá các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đang triển khai (ví dụ vấn đề chậm tiến độ dự án đầu tư, khó khăn trong giải phóng mặt bằng, bảo đảm nguồn vật liệu như than, khí, nước...).

Đánh giá vai trò, trách nhiệm của Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc thăm định, triển khai các dự án điện.

Việc thu hút các nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình phát triển điện lực thời gian qua (nhất là vốn tư nhân).

- Tình hình, tiến độ thực hiện các đề án thăm dò, dự án khai thác, chế biến than, hạ tầng phục vụ phát triển ngành than và đề án đóng cửa mỏ.

- Đánh giá tình hình thực hiện tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về Quy hoạch theo Nghị quyết số 751/2014/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc tiếp tục thực hiện các dự án theo quy hoạch ngành than của các đơn vị được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện quy hoạch (thỏa thuận: cấp phép thăm dò, cấp giấy phép khai thác, giấy chứng nhận đầu tư, quy hoạch chi tiết...).

- Đánh giá tình hình thực hiện tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về chông chéo của quy hoạch ngành than với Quy hoạch 03 loại rừng, quy hoạch của Tỉnh và quy hoạch phát triển kinh tế của địa phương.

1.3. Nội dung phát triển dầu khí

- Đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt của tỉnh và kết quả thực hiện các Quy hoạch có liên quan.

- Đánh giá tình hình thực hiện phát triển ngành dầu khí (công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tồn trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khẩu; xuất khẩu dầu thô, chế biến dầu mỏ, thị trường xăng, dầu, khí..).

- Tình hình hoạt động dầu khí từ thượng nguồn, trung nguồn, hạ nguồn.

- Tình hình, tiến độ thực hiện của các dự án thăm dò, khai thác dầu khí.

- Đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên, biến đổi khí hậu, dự báo xu thế, kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch.

- Đánh giá vai trò của ngành dầu khí trong tầm nhìn mới về chiến lược biển và việc thực hiện theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đánh giá quá trình chuyển dịch năng lượng: thách thức, cơ hội, những vấn đề đặt ra và giải pháp.

- Đánh giá về tác động của quá trình phát triển năng lượng đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học (cả trên cạn và dưới nước) và tình hình phát thải khí nhà kính, trong đó làm rõ đóng góp của ngành năng lượng vào tổng phát thải của Việt Nam; mức độ phát triển bền vững của ngành năng lượng ở nước ta.

- Việc thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển năng lượng, đặc biệt là các dự án phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,...).

- Về quy chuẩn phát thải đối với các loại ngành nghề công - nông nghiệp. Về quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với tro xỉ và vật liệu xây dựng từ tro xỉ; về các quy định đối với đất đá thải trong quá trình khai thác, chế biến than.

- Thu gom xử lý các chất thải, tấm pin mặt trời hết hạn sử dụng trong sản xuất năng lượng mặt trời.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng, mặt nước để phát triển năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo, thủy điện, lưới truyền tải điện.

- Mức độ tuân hoàn tài nguyên, chất thải (nhất là tro, xỉ nhà máy nhiệt điện than), năng lượng của quá trình sản xuất, truyền tải, sử dụng năng lượng.

- Khả năng đáp ứng mục tiêu trung hoà carbon trong thời gian tới.

- Về việc phối hợp với Bộ Công Thương chỉ đạo Tập đoàn, Tổng công ty rà soát, nâng cấp công nghệ của các nhà máy điện than hiện có để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc loại bỏ các nhà máy cũ có hiệu suất thấp, không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

4. Về khoa học, công nghệ trong phát triển năng lượng

- Cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng.

- Về phát triển ngành cơ khí năng lượng, nhất là ngành công nghiệp chế tạo nhà máy điện và ngành công nghiệp chế tạo vật tư, thiết bị năng lượng tái tạo nhằm nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu "*tiến tới tự chủ sản xuất được phần lớn các thiết bị năng lượng*" đã đề ra trong Nghị quyết 55-NQ/TW.

- Về nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong phát triển tất cả các phân ngành, lĩnh vực năng lượng; đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành năng lượng; từng bước làm chủ công nghệ hiện đại, tiến tới tự chủ sản xuất được phần lớn các thiết bị năng lượng.

5. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng

- Mô hình tổ chức quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng.

- Cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng lượng. Phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về năng lượng nói chung và từng lĩnh vực năng lượng nói riêng.

- Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng ở địa phương.

- Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm.

6. Về cơ chế đầu tư, kinh doanh phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh, giá cả thị trường năng lượng, cơ chế dự trữ, dự phòng năng lượng

- Về việc triển khai xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh; sự liên kết giữa các thị trường của các phân ngành năng lượng. Tình hình triển khai xây

dựng khung pháp lý và cơ chế thực hiện thị trường năng lượng cạnh tranh. Năng lực cạnh tranh của các ngành năng lượng hiện nay.

- Về tình hình xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về giá, thuế, phí và các vấn đề liên quan. Tính hợp lý về giá thành phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCN.

- Vấn đề đầu tư cho sản xuất điện năng; tỷ lệ cơ cấu về sở hữu vốn đầu tư sản xuất điện.

- Về nguồn lực đầu tư: việc phối hợp với các bộ, ngành trong việc chỉ đạo, định hướng các Tập đoàn, Tổng công ty thuộc lĩnh vực năng lượng tập trung, ưu tiên bố trí mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ ngành năng lượng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia một cách ổn định và bền vững. Tài chính xanh cho chuyển dịch năng lượng bền vững.

- Chính sách thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước; khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng trong và ngoài nước.

- Về cơ chế dự trữ, dự phòng đối với từng loại năng lượng.

7. Về một số nội dung khác

7.1. Về hợp tác quốc tế

- Đánh giá việc hợp tác với các đối tác chiến lược để thực hiện mục tiêu nhập khẩu/xuất khẩu năng lượng trong dài hạn và đầu tư tài nguyên năng lượng ở nước ngoài.

- Đánh giá việc liên kết lưới điện, hoàn thiện cơ chế mua bán điện với các nước láng giềng; việc nghiên cứu kết nối hệ thống khí trong khu vực, triển khai thực hiện khi điều kiện cho phép.

- Ngoại giao năng lượng (hoạt động ngoại giao gắn liền với các hợp đồng khai thác tài nguyên khoáng sản). Hợp tác trong đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ.

7.2. Về vấn đề xã hội liên quan đến phát triển năng lượng

- Vấn đề việc làm trong quá trình chuyển dịch năng lượng

- Vấn đề năng lượng cho vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo, đặc biệt khó khăn, đối tượng chính sách (cơ chế hỗ trợ, giá cả).

- Vấn đề đền bù, tái định cư, bảo đảm sinh kế và an sinh xã hội cho người dân sinh sống ở các khu vực dự án phát triển năng lượng).

7.3. Về vấn đề quốc phòng, an ninh liên quan đến phát triển năng lượng

- Hoạt động bảo đảm an ninh năng lượng gắn với bảo đảm an ninh phi truyền thống; công tác phối hợp giữa các lực lượng, giữa các ngành, Trung ương và địa phương trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia trong các dự án phát triển năng lượng.

- Tình hình hoạt động dầu khí tại những vùng nước sâu, xa bờ, vùng nhạy cảm gắn với bảo đảm công tác quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện các quy định về quốc phòng, an ninh trong quản lý các dự án phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là các dự án phát triển điện gió ven bờ và ngoài khơi.

- Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội đối với các khu vực phát triển các dự án năng lượng quy mô lớn, nhất là ở khu vực ven biển.

- Về công tác thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với các dự án ngành năng lượng. Đánh giá sự phù hợp với thực tiễn đối với các công trình của ngành năng lượng.

7.4. Về xử lý các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc

- Tình hình cụ thể và giải pháp xử lý đối với các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc.

II. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về tình hình đầu tư phát triển, cung cầu và an ninh năng lượng

1.2. Về nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh

1.3. Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

1.4. Về khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng

1.5. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng

1.6. Về cơ chế đầu tư, kinh doanh phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh, giá cả thị trường năng lượng, cơ chế dự trữ, dự phòng năng lượng

1.7. Về một số nội dung khác

- Về hợp tác quốc tế

- Về vấn đề xã hội liên quan đến phát triển năng lượng

- Về vấn đề quốc phòng, an ninh liên quan đến phát triển năng lượng

- Về xử lý các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Làm rõ nguyên nhân đối với từng nội dung của tồn tại, hạn chế:

2.1. Nguyên nhân khách quan

2.2. Nguyên nhân chủ quan

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

III. Đánh giá chung về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 – 2021 và bài học kinh nghiệm

1. Đánh giá chung về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 – 2021

Đánh giá khái quát những vấn đề nổi bật nhất tại các Mục I, II (khoảng 5-6 trang), bao gồm:

- Kết quả đạt được
- Tồn tại, hạn chế
- Nguyên nhân

2. Bài học kinh nghiệm

Từ nội dung mục 1, rút ra những bài học kinh nghiệm.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

1. Giải pháp

1.1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động, trong đó xác định rõ những văn bản quy phạm pháp luật phải sửa đổi, bổ sung. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

1.2. Về tổ chức thực hiện

- Về cung cầu và an ninh năng lượng
- Về nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh
- Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu
- Về khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng
- Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng
- Về cơ chế đầu tư, kinh doanh phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh, giá cả thị trường năng lượng, cơ chế dự trữ, dự phòng năng lượng
- Về một số nội dung khác

2. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng (nếu có)

3. Kiến nghị (trước mắt và lâu dài) đối với các cơ quan có thẩm quyền

- Đối với Quốc hội.
- Đối với Chính phủ, các bộ, ngành liên quan.
- Đối với địa phương.
- Đối với các cơ quan khác.

Phụ lục: Các bảng biểu, số liệu, sơ đồ, biểu đồ của Ủy ban nhân dân và các tài liệu khác có liên quan.

Căn cứ vào Kế hoạch giám sát chi tiết số .../KH-ĐGS ngày .../9/2022 của Đoàn giám sát, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chuẩn bị báo cáo theo Đề cương và các tài liệu có liên quan để cung cấp cho Đoàn giám sát./.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về năng lượng 2011 – 2016 và 2016 – 2021)

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú ¹
I. Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan trung ương ban hành				
I.1. Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội				
1.				
2...				
I.2. Nghị quyết, nghị định của Chính phủ; các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ				
1.				
2...				
I.3. Thông tư, thông tư liên tịch (nếu có) của các bộ, cơ quan ngang bộ				
1.				
2...				
I.3. Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ				
1...				
2...				
I.4. Văn bản chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ				
1.				
2...				

¹ Ban hành mới hay sửa đổi, bổ sung văn bản nào.

Bảng 2: Các văn bản quy phạm pháp luật về năng lượng dự kiến ban hành

STT	Loại văn bản	Tên văn bản hoặc định hướng nội dung điều chỉnh	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp chính soạn thảo	Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành	Dự kiến thời gian trình	Dự kiến thời gian có hiệu lực	Ghi chú
1.								
2								
3...								

Bảng 3: Các quy chuẩn kỹ thuật về năng lượng 2011 – 2016 và 2016 – 2021)

STT	Tên quy chuẩn kỹ thuật	Ngày ban hành	Ghi chú
I. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia			
1			
...			
Tổng			
II. Quy chuẩn kỹ thuật địa phương			
1			
...			
Tổng			

Bảng 12: Dữ liệu môi trường, xã hội, đất đai của các nhà máy điện mặt trời, điện gió đã đi vào vận hành tại Việt Nam (Giai đoạn 2016-2021)

Tên dự án	Chủ dự án	Vị trí dự án	Quy mô dự án (MW)	Tổng diện tích đất dự án đã và dự kiến sẽ sử dụng (ha)	Diện tích đất nông nghiệp đã và dự kiến sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng (ha)	Số người/hộ dân tái định cư	Số hộ/người dân bị ảnh hưởng đến đất sản xuất	Số lượng tín chỉ giảm phát thải hàng năm (1.000 tín chỉ)	Giá trị bán lượng tín chỉ giảm phát thải hàng năm (1.000 USD)
I. Dự án điện mặt trời									
1.									
2..									
II. Dự án điện gió									
1.									
2...									

Bảng 13: Danh mục các dự án, cụm dự án chậm tiến độ

STT	Danh mục dự án, cụm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư	Tình trạng	Nguyên nhân chính gây chậm tiến độ

